TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Dương Tiển

2. Ông Nguyễn Văn Thản

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 1 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 639/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm: 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BD, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp B, xã HL, Thành phố BR, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp TV, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H chung sống với nhau từ năm 2008, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện DMC. Nữ trang ngày cưới gồm có 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai trọng lượng bao nhiêu anh không nhớ nhưng đã bán không còn.

Sau khi cưới, anh chị sống chung với cha mẹ ruột anh được vài tháng, sau đó anh chị chuyển về sống chung với cha mẹ ruột chị H. Tháng 9-2016, anh đi làm

thuê cho dì ruột ở Bà Rịa, hai tuần anh về nhà một lần. Tháng 01-2017, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng cải nhau về tiền bạc và chị H mê cờ bạc, thường xuyên bỏ bê con cái, anh nhiều lần khuyên nhưng chị H không chịu thay đổi, lấy vàng thiệt bán sau đó mua vàng giả khác thay thế. Tháng 3-2017, chị H nợ tiền cờ bạc nên bỏ nhà đi và anh chị sống ly thân từ đó đến nay hai bên cũng không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 20-9-2009 và Lê Nhật H, sinh ngày 26-6-2016, hiện đang sống với chị H. Anh đồng ý giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: 01 chiếc xe hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát bao nhiêu anh không nhớ, do anh đứng tên nhưng chị H đang quản lý, sử dụng. Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh L, tuy nhiên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh L nghe lời cha mẹ, chị không thể tiếp tục chung sống được nên bỏ nhà đi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2017 đến nay. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L. Về con chung, giao chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung, buộc anh Lcó nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được. Về tài sản chung, ghi nhận anh chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, anh chị khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị H đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh L yêu cầu ly hôn, nguyên nhân do anh chị có mâu thuẫn về tiền bạc và chị H đam mê cờ bạc, thường xuyên bỏ bê con cái, anh nhiều lần khuyên nhưng chị H không thay đổi. Ngược lại chị H cho rằng do anh Lợi nghe lời cha mẹ chị không thể tiếp tục chung sống nên bỏ nhà đi và anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không bàn bạc việc hàn gắn gia đình và anh chị đều đồng ý ly hôn. Như vậy có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh L và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh L và chị H đều thống nhất giao chị H được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh L chỉ đồng ý cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của chị H là để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho hai con chung, tuy nhiên nghề nghiệp hiện nay của anh L là làm thuê, thu nhập 3.500.000 đồng/ tháng nên mức cấp dưỡng chị H yêu cầu là không phù hợp và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung một tháng là 1.500.000 đồng (01 người 750.000 đồng/ tháng) là phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh L và chị H khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Anh L phải chịu án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn L đối với chị Nguyễn Thị H. Anh Lê Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 20-9-2009 và Lê Nhật H, sinh ngày 26-6-2016. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung một tháng 1.500.000 đồng (750.000 đồng/

tháng/ 01 con chung) cho đến khi hai con chung thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Anh L chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0015672 ngày 25-9-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, anh L còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã PN, H. DMC;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Vui